

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

*Căn cứ Quyết định 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng
chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-ĐHYDCT ngày 19 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy chế
Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Biên bản họp số 1342/BB-ĐHYDCT ngày 14 tháng 9 năm 2020
của các Hội đồng nghiệm thu các chiến lược của Trường Đại học Y Dược
Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;*

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 06 chiến lược các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 gồm:

1. Chiến lược đào tạo;
2. Chiến lược khoa học công nghệ;
3. Chiến lược khám chữa bệnh;
4. Chiến lược tổ chức bộ máy – nhân lực;
5. Chiến lược cơ sở vật chất;
6. Chiến lược tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Y Dược Cần
Thơ chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện chiến lược lĩnh
vực do đơn vị phụ trách.

Điều 3. Trưởng Phòng hành chính tổng hợp, Trưởng các đơn vị có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*Nguyen*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- BTV ĐU;
- CT HĐT;
- Ban Chỉ đạo, Ban xây dựng Chiến lược;
- Lưu: VT, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

(Kèm theo Quyết định Số 2662/QĐ/ĐHYDCT ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2030
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
LĨNH VỰC: ĐÀO TẠO

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Những kết quả chung

Nhà trường đã chuyển đổi toàn bộ chương trình đào tạo đại học, sau đại học sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Tính tới năm 2020, trường có 10 mã ngành đào tạo bậc đại học, 67 mã ngành đào tạo sau đại học, với quy mô đào tạo khoảng 10.000 sinh viên và 1.500 học viên.

Bên cạnh đó, với sự ra đời của Trung tâm Dịch vụ và đào tạo theo nhu cầu xã hội, Trường đã phối hợp cùng các cơ sở thực hành, các doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo liên tục đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ y tế các địa phương. Hàng năm tổ chức đào tạo khoảng 30 – 50 lớp đào tạo liên tục với trung bình 40 - 50 học viên/lớp

Theo các báo cáo thống kê về tình hình nguồn nhân lực y tế từ các tỉnh tại khu vực ĐBSCL, số lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã giúp bổ sung nguồn nhân lực y tế cho các tỉnh, giúp các tỉnh đảm bảo chỉ số số bác sĩ/vạn dân, số lượng dược sĩ/vạn dân theo QĐ số 122/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ đến năm 2020.

2. Điểm mạnh

Các bước phát triển chương trình đào tạo (bao gồm khảo sát nhu cầu, xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình, so sánh chương trình, lấy ý kiến, thực thi, đánh giá và cập nhật chương trình) được thực hiện một cách khoa học bởi Hội đồng khoa học cấp trường, khoa (làm việc theo nhóm chung, nhóm chuyên ngành và có sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý). Ngoài ra công tác đào tạo sau đại học tại trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ đang công tác tại các Sở, Ban ngành thuộc khu vực ĐBSCL học tập, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào chương trình đào tạo một cách toàn diện.

Chương trình học đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo liên tục được xây dựng theo tín chỉ, mềm dẻo phù hợp và đáp ứng được nhu cầu người học và thị trường lao động. Nội dung môn học luôn được bổ sung kiến thức mới, thể hiện được tính mềm dẻo của chương trình đào tạo (CTĐT), đáp ứng nhu cầu luôn biến động của thị trường nhân lực. CTĐT có tính chuẩn mực, liên thông và hợp lý đã tạo cơ hội bình đẳng, phục vụ được đa số các nhu cầu học tập của người học trong khu vực. Người học hoàn toàn chủ động lựa chọn loại hình học tập cũng như việc thực hiện kế hoạch học tập trong quá trình đào tạo của mình.

Công tác tuyển sinh được xây dựng chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc các quy định trong tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả tuyển sinh công khai, minh bạch, đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào đối với các chuyên ngành đào tạo.

Việc đổi mới và đa dạng hóa phương pháp dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia vào quá trình dạy học. Kết quả của việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình đào tạo là làm bộc lộ khả năng tự học và tự giải quyết vấn đề của người học. Vì thế sinh viên, học viên ra trường là những người năng động, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của thị trường. Khẳng định được vai trò của Trường đối với cộng đồng trong việc đào tạo nguồn nhân lực y tế cho các địa phương trong vùng. Bên cạnh đó, công tác đào tạo sau đại học luôn được gắn với nhu cầu, quy hoạch phát triển của từng địa phương, khu vực, dựa vào nhu cầu thực tế của địa phương thông qua công tác làm việc về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và hội nghị nhân lực y tế được Trường tổ chức hằng năm với sự hiện diện của lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo y tế, lãnh đạo bệnh viện các tỉnh; Nhà trường đã xây dựng mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực y tế. Với chủ trương đa dạng hóa các loại hình đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng đáp ứng cho việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng y tế tại các tỉnh, địa phương; góp phần tích cực vào việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, hải đảo

Có nhiều loại hình đánh giá kết quả học tập của người học giúp cho người dạy kiểm tra thái độ và kết quả học tập của người học một cách thường xuyên. Các loại hình đánh giá thể hiện tính chuẩn mực, độ tin cậy về kết quả học tập của người học ổn định và bền vững. Có sự tham gia tích cực của giảng viên trong việc sử dụng các loại hình đánh giá và lựa chọn thời gian thích hợp, giảm được khối lượng cho bộ phận khảo thí của trường.

Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về kết quả học tập liên quan đến người học như chương trình học, kế hoạch học tập. Do đó, sinh viên hoàn toàn chủ động trong công việc và thời gian học tập của mình.

Công tác đào tạo đã được số hóa, công nghệ hoá trong nhiều hoạt động như nhập học trực tuyến, đăng ký học phần, quản lý điểm, xét tốt nghiệp, ... tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý, báo cáo giải quyết những vấn đề liên quan đến người học.

Liên kết chặt chẽ, mở rộng phạm vi các cơ sở thực hành căn cứ theo Nghị định 111 của Thủ tướng Chính phủ trong đào tạo thực hành của khối ngành khoa học sức khỏe, hiện trường có 17 bệnh viện thực hành trên địa bàn thành phố Cần Thơ và hơn 15 bệnh viện trong khu vực ĐBSCL và TPHCM đã ký kết hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng chi tiết trong hoạt động đào tạo thực hành cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe.

Hiện nay, Trường 10 mã ngành đào tạo đại học, 67 mã ngành đào tạo sau đại học, trong đó Chuyên khoa cấp 1 có 24 chuyên ngành, chuyên khoa cấp 2 có 17 chuyên ngành, bác sĩ nội trú có 10 chuyên ngành, thạc sĩ có 10 chuyên ngành, nghiên cứu sinh có 6 chuyên ngành, và 50 mã ngành đào tạo liên tục.

3. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Qui mô sinh viên tại Trường tăng theo nhu cầu, Trường vẫn chưa xây dựng được ký túc xá, nên việc quản lý sinh viên ngoại trú còn nhiều khó khăn, bất cập nên một số sinh viên chưa có phương pháp học tốt ảnh hưởng đến kết quả học tập. Đặc biệt với sự gia tăng các mã ngành đào tạo sau đại học, dẫn đến tăng qui mô đào tạo, đa số cán bộ giảng viên phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên một số công tác chấm thi, giảng dạy xa còn chậm tiến độ. Cơ sở hạ tầng, vật chất chưa đáp ứng đủ so với quy mô đào tạo sau đại học.

Việc khảo sát ý kiến của nhà sử dụng lao động về các hoạt động đào tạo như: tuyển sinh, chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, năng lực làm việc của người học sau khi tốt nghiệp đã được thực hiện tuy nhiên với quy mô chưa lớn, hình thức khảo sát chưa đa dạng

Chưa có những đúc kết thực tiễn từ người dạy theo phương thức đào tạo đang thực hiện. CTĐT chưa hợp lý về cấu trúc vi mô, giới hạn thời gian cho từng khóa học. Chưa có tiến hành lấy ý kiến đầy đủ về khảo sát phương pháp giảng dạy mới trên quy mô toàn trường.

Việc triển khai đào tạo, quản lý sinh viên theo học chế tín chỉ còn chưa có nhiều kinh nghiệm và chưa hoàn thiện.

Trường tập trung chủ yếu vào kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Tiến độ thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo còn chậm so với kế hoạch chung của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Bối cảnh

Chúng ta đang sống trong thời đại Cách mạng mềm - cuộc cách mạng tri thức, ta thường gọi là cách mạng 4.0. Trong cuộc cách mạng này, tri thức là tư liệu sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế, không tách khỏi người lao động. Nhận biết được xu thế phát triển đất nước phải dựa vào tri thức nên trong các Nghị quyết Đại hội, đặc biệt là từ khóa 9 trở lại đây, Đảng ta đều xác định: phát triển kinh tế phải dựa vào phát triển kinh tế tri thức. Để đạt được mục tiêu này, các Nghị quyết đều xác định giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Điều này cũng phù hợp với xu thế chung của thế giới là: Một quốc gia muốn phát triển và tăng trưởng bền vững thì nhất thiết phải có 2 yếu tố: một hệ thống đại học hoàn chỉnh, đẳng cấp quốc tế và một lực lượng lao động chất lượng tốt mà lực lượng lao động này chủ yếu lại do chính các trường đại học cung cấp. Như vậy, vai trò của các trường đại học rất lớn, có thể nói là yếu tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan, vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia. Sự cạnh tranh trong phát triển kinh tế ở nhiều cấp độ khác nhau trong nội bộ mỗi quốc gia và giữa các quốc gia diễn ra ngày càng quyết liệt hơn đòi hỏi phải tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hóa và đổi mới công nghệ. Vì vậy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội là vấn đề sống còn của mỗi trường đại học.

Trong Nghị quyết 29-NQ/TW Trung ương khóa XI chỉ rõ bảy (07) vấn đề trong quan điểm chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng Mở, thực học, thực nghiệp, Liên thông, chuyển mạnh từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, chuyển từ đào tạo theo số lượng sang chất lượng, thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục đào tạo.

Nghề y là một nghề đặc biệt. Nhân lực ngành y tế phải đáp ứng yêu cầu cả về chuyên môn và y đức; vì thế cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017) xác định mục tiêu tổng quát: Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe.

1.1. Cơ hội

1.1.1. Cơ hội chung

Thế giới đang tiến sâu vào kỷ nguyên hội nhập quốc tế và phát triển tri thức. Tri thức như động lực chính cho tăng trưởng, trở thành vốn quý, đóng vai trò có tính quyết định và là yếu tố cạnh tranh quan trọng giữa các quốc gia. Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới thành công nhờ dựa vào đại học để xây dựng tiềm lực tri thức mạnh, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao và nền khoa học - công nghệ đạt trình độ tiên tiến. Vì lẽ đó, đầu tư phát triển các đại học hàng đầu có khả năng cạnh tranh toàn cầu đã và đang trở thành xu thế của thời đại.

Cùng với quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực, toàn cầu hóa giáo dục đại học hướng đến việc trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, sinh viên, công nhận giá trị bằng cấp đào tạo, chuyên đổi tín chỉ giữa các hệ thống giáo dục; triển khai và công bố các kết quả nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học; tạo sự liên thông, hợp tác cùng phát triển giữa các đại học ở nhiều quốc gia khác nhau. Toàn cầu hóa giáo dục đại học cũng là thách thức nếu các đại học không nắm bắt được cơ hội và tranh thủ được lợi ích từ quá trình này.

Nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực y tế luôn có vai trò quan trọng, quyết định đến việc thành công hay thất bại trong công tác chăm sóc sức khỏe. Bởi một trong những yếu tố quyết định đến vai trò của Nhà nước đối với quản lý phát triển y tế là đội ngũ nhân lực. Nguồn nhân lực y tế có đủ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức... có vai trò quan trọng dẫn đến thành công hay thất bại trong việc nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo của mình đối với công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu về phát triển nhân lực y tế, đặc biệt là đội ngũ bác sỹ và dược sỹ đại học, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 về Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam có 9 bác sỹ và 2,2 dược sỹ đại học/100.000 dân. Đến 2030, hệ thống y tế từ trung ương đến địa phương được hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với từng vùng, miền; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu, y tế mũi nhọn đạt ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực.

1.1.2. Cơ hội của Trường

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thực hiện sứ mạng “Đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước”; cùng với việc thực hiện “Đề án Thí điểm đổi

mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm” theo quyết định số 455/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, Trường đại học Y Dược Cần Thơ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo được nhiều cán bộ y tế góp phần bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, miền Đông Nam bộ và Nam Trung bộ. Xây dựng mối liên kết với cộng đồng thêm chặt chẽ, trước hết là ủy ban nhân dân, sở y tế, sở giáo dục đào tạo các địa phương trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam Trung bộ và Đông Nam bộ, thông qua đó, chủ động giải quyết nguồn nhân lực y tế cho các địa phương.

Quy mô đào tạo đại học hiện nay là 11.120 sinh viên. Đào tạo trình độ đại học được đa dạng các chuyên ngành gồm 10 chuyên ngành Y khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Dược học, Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Y tế công cộng, hộ sinh và Kỹ thuật hình ảnh y học. Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật

1.2. Thách thức

1.2.1. Thách thức chung

Nhiều khu vực còn thiếu nhân lực y tế như Vùng đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân thấp nhất so với cả nước. Đặc biệt, một số lĩnh vực: pháp y, giải phẫu, lao, phong, tâm thần... của ngành y tế thiếu nhân lực hơn hẳn các lĩnh vực khác. Lý do của sự thiếu hụt này là do thu nhập thấp, không đủ thu hút cán bộ y tế. Tình trạng thiếu nhân lực y tế nói chung và nhân lực có trình độ là bác sĩ ở tuyến y tế cơ sở, cũng như nhân lực y tế dự phòng vẫn còn là vấn đề đáng lo ngại.

Chất lượng nguồn nhân lực y tế ở tuyến cơ sở, vùng sâu, vùng xa, miền núi chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Năng lực của cán bộ y tế, kể cả bác sĩ của tuyến xã yếu, thậm chí không đủ khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

1.2.2. Thách thức của Trường

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo và đầy đủ các nhóm ngành khoa học sức khỏe của cả hệ thống chính quy và không chính quy.

Cán bộ phải được đào tạo có đạo đức tốt, có chuyên môn vững nhằm phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Thực hiện việc quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. Đẩy mạnh việc đưa tin học ứng dụng vào trong công tác đào tạo của nhà trường.

Cải tiến chương trình đào tạo theo hướng mô đun hóa nhằm thích nghi tốt hơn với sự phát triển và thay đổi nhanh chóng thị trường lao động.

Tăng cường việc chuyển đổi các chương trình đang đào tạo theo hướng chương trình tiên tiến. Cải tiến phương pháp giảng dạy và thay đổi phương pháp học của sinh viên.

2. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

- Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 22/2013/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 09/08/2013 về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, bảo vệ và chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành và các lĩnh vực khác phục vụ công tác khám chữa bệnh, đào tạo và quản lý y tế, với quy mô đào tạo ngày càng tăng với chất lượng đảm bảo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo
- Phát triển quy mô đào tạo hợp lý, từng bước tăng quy mô đào tạo sau đại học.

- Hoàn thiện, xây dựng phát triển một số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tiên tiến đạt chuẩn quốc tế.

- Đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Các chỉ tiêu cơ bản

Giải pháp	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Mục tiêu 1: Đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo nhu cầu xã hội.		
Mở thêm ngành đào tạo mới và đa dạng hóa các hình thức đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - 02 ngành mới đào tạo đại học: Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật phục hồi chức năng; 6 chương trình đào tạo sau đại học, 15 chương trình đào tạo liên tục. - Đào tạo liên thông Y học dự phòng, Răng – Hàm – Mặt - Đào tạo văn bằng 2: ngành Dược, Y học dự phòng, Điều dưỡng 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 ngành mới Dinh dưỡng. - Đào tạo văn bằng 2: Răng hàm mặt, Y học cổ truyền.
Mục tiêu 2: Phát triển quy mô đào tạo hợp lý, từng bước tăng quy mô đào tạo sau đại học		
Tăng quy mô đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu tuyển sinh chính quy tăng trung bình 5-10%, tuyển sinh sau đại học 5 – 10%. - Quy mô đại học trung bình 12.000 sinh viên và 2000 học viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu tuyển sinh chính quy tăng trung bình 10-20%, tuyển sinh sau đại học tăng trung bình 10 – 15% - Quy mô đại học trung bình 14.000 sinh viên và 2500 học viên
Mục tiêu 3: Hoàn thiện, xây dựng phát triển một số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tiên tiến đạt chuẩn quốc tế.		
Phát triển chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - 01 CTĐT đại học tiếp cận CTĐT tiên tiến. - 15% học phần trong mỗi CTĐT đại học được lồng ghép ngoại ngữ trong giảng dạy. - Mở mới 6 chuyên ngành đào tạo sau đại học 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 30% số CTĐT tiếp cận CTĐT tiên tiến. - 30% học phần trong mỗi CTĐT được lồng ghép ngoại ngữ trong giảng dạy. - Mở mới 6 chuyên ngành đào tạo sau đại học
Phát triển chương trình chất lượng cao, chuẩn quốc tế và đào tạo liên kết quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển CTĐT đại học chất lượng cao và liên kết đào tạo ngành Điều dưỡng - Phát triển 01 CTĐT đại học, 01 CTĐT sau đại học có sinh viên quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển 01 CTĐT sau đại học tiếp cận CTĐT tiên tiến. - Phát triển 01 CTĐT sau đại học, 01 CTĐT đại học chất lượng cao và liên kết đào tạo - Phát triển 02 CTĐT đại học có sinh viên quốc tế.

Mục tiêu 4: Đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo		
Hoàn thiện giáo trình giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - 100% giáo trình giảng dạy được nghiệm thu cấp trường. - 50% giáo trình được xuất bản sách 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% giáo trình được xuất bản sách
Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CTĐT định kỳ cập nhật theo qui định. - 10 CTĐT đại học và 02 CTĐT sau đại học đạt kiểm định theo chuẩn Bộ - 01 CTĐT đại học đạt chuẩn kiểm định quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CTĐT định kỳ cập nhật theo qui định. - 02 CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế. - 20% CTĐT liên kết đào tạo với cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài. - 100% CTĐT thạc sĩ đạt kiểm định theo chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên thay đổi nhận thức về đào tạo tín chỉ - 10 CTĐT đảm bảo tính liên thông. - 100% bộ môn có toàn bộ giáo trình giảng dạy nghiệm thu cấp trường và xuất bản sách. - 70% đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập đảm bảo yêu cầu và chất lượng hoạt động đào tạo. - 70% GV áp dụng phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá tích cực. - Phát triển thư viện và thiết bị dạy học 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CTĐT đảm bảo tính liên thông. - 100% đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập đảm bảo yêu cầu và chất lượng hoạt động đào tạo. - 100% GV áp dụng phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá tích cực. - Triển khai thư viện điện tử.

5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

5.1. Nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo nhu cầu xã hội

Phát triển các chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Đổi mới nội dung đào tạo, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nghề nghiệp trong xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành y tế và tiếp cận trình độ tiên tiến của thế giới.

Mở thêm các ngành đào tạo sau đại học mới khi đủ điều kiện theo qui định, gồm:

- Tiến sĩ: 2 – 3 ngành/chuyên ngành
- Thạc sĩ: 2 – 3 ngành/chuyên ngành
- Bác sĩ nội trú: 01 ngành/chuyên ngành
- Chuyên khoa cấp 1: 01 ngành/chuyên ngành
- Chuyên khoa cấp 2: 2 – 3 ngành/chuyên ngành

Đối với hình thức đào tạo theo nhu cầu xã hội: Mỗi năm phát triển tăng 10% số lượng học viên đăng ký theo học tại trung tâm và tăng 10% chương trình đào tạo mới, đa dạng hóa các chương trình đào tạo.

Nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Cần thay đổi nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên: xác định việc chuyển đổi sang phương thức đào tạo tín chỉ là việc phải làm, nên làm trong lộ trình đổi mới giáo dục đại học. Mỗi cá nhân cán bộ, giảng viên, sinh viên đều hiểu rõ nội dung các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường về công tác đào tạo theo tín chỉ: từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo, đổi mới chương trình đào tạo, việc đăng ký học phần, lựa chọn giảng viên, cách tính điểm, đăng ký học cải thiện điểm, việc cảnh báo kết quả học tập...

- Chương trình đào tạo phải đảm bảo tính liên thông rộng, phần kiến thức tự chọn đủ lớn tạo cơ hội cho sinh viên dễ dàng chuyển đổi ngành nghề và tích lũy kiến thức để sớm nhận được văn bằng ở các chuyên ngành thứ hai.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập. Xây dựng lực lượng giảng viên cơ hữu đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng để đảm bảo các học phần được tổ chức giảng dạy liên tục trong tất cả các học kỳ, tạo cơ hội cho sinh viên được lựa chọn tiến độ học tập. Đội ngũ cố vấn học tập phải là những người thực sự tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ cao, có kinh nghiệm trong công tác giáo dục, giảng dạy, thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng đánh giá quá trình, đánh giá năng lực người học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và phải đảm bảo tính chính xác, khách quan.

- Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Xây dựng Thư viện hiện đại, kết nối với các trung tâm học liệu uy tín đáp ứng nhanh nhất, đầy đủ nhất nhu cầu tra cứu tài liệu dạy-học của giảng viên và sinh viên, chuyển sang mô hình thư viện điện tử, mua các tài liệu online. Tăng cường đầu tư mở rộng cơ sở đào tạo, các phòng học chức năng với các trang thiết bị dạy học hiện đại, đủ chuẩn, các phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu.

5.2. Mở rộng loại hình và quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực ĐBSCL và cả nước.

Tăng quy mô đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Việc bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực y tế là nhiệm vụ quan trọng nhằm tăng cường năng lực cho hệ thống y tế trong việc thực hiện tốt vai trò chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện quyết định số 122/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng quy mô đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Tăng số lượng nhưng đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực y tế nhằm tăng cường năng lực cho hệ thống y tế trong việc thực hiện tốt vai trò chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mở rộng hợp tác đào tạo theo nhu cầu với các địa phương, tỉnh, thành; có kế hoạch cụ thể và tăng cường giám sát các lớp xa trường.

Mở thêm ngành đào tạo mới và đa dạng hóa các hình thức đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế. Trường tiếp tục triển khai đề án đào tạo cử tuyển và đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đồng thời, Trường tiếp tục đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học. Đặc biệt, Trường quan tâm Đề án “Khuyến khích và phát triển nhân lực y tế chuyên ngành lao, phong, tâm thần, pháp y và giải phẫu bệnh giai đoạn 2013-2020”, tạo ra sự thu hút trong đào tạo, tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực thuộc các chuyên ngành khó thu hút này.

Đa dạng hóa các chương trình đào tạo liên tục tạo thông qua các hội thảo chuyên đề khoa học, chuyển giao kỹ thuật, cũng như đa dạng các hình thức đào tạo như đào tạo trực tuyến,

Ngoài các lĩnh vực ngoài chuyên môn y nha dược, Trung tâm định hướng liên kết với các đơn vị bên ngoài đào tạo các thêm các lĩnh vực khác có nhu cầu phục vụ cho các hoạt động của bệnh viện, cơ sở y tế như: tin học, ngoại ngữ chuyên ngành y, khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, y đức, giao tiếp, quản lý hành chính, kỹ năng quản lý ...

5.3. Nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý và phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao và kiểm định theo chuẩn quốc gia, khu vực

Phát triển chương trình chất lượng cao, chuẩn quốc tế và đào tạo liên kết quốc tế.

- Hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm thực hiện biên soạn và nghiệm thu giáo trình sau đại học; có cập nhật, bổ sung chương trình, giáo trình hằng năm. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, và các nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở, nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề. Về phương pháp, cho phép sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc “lấy người học là trung tâm”, giảm tải tối đa giờ giảng trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu.

- Đổi mới tư duy giáo dục hiện nay cần “gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; hệ thống giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, chương trình đào tạo của Trường đạt trình độ tiên tiến ở khu vực.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu và công bố quốc tế, tiến tới quốc tế hóa các tiêu chuẩn đánh giá khoa học và các hoạt động về chuyên môn.

- Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Tăng cường đầu tư mở rộng cơ sở đào tạo, các phòng học chức năng với các trang thiết bị dạy học hiện đại, đủ chuẩn, các phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu dạy học.

- Tiếp cận chương trình đào tạo tiên tiến, phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao và liên kết đào tạo.

- Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Chương trình phải được đánh giá và thường xuyên bổ sung, cải tiến, cập nhật những nội dung mới. Chương trình cần có ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng và các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Triển khai và thực hiện công tác đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tiến tới kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Mở rộng hợp tác liên kết đào tạo với cơ sở, tổ chức giáo dục đại học nước ngoài. Mở rộng hợp tác quốc tế trong trao đổi học sinh/sinh viên, giáo viên/giảng viên, nghiên cứu khoa học; tăng số lượng các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài; phát triển nhóm nghiên cứu quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học của các nước có uy tín hoặc được cấp thẩm quyền công nhận; khuyến khích công nhận tín chỉ, văn bằng, liên thông chương trình với các trường đại học nước ngoài có uy tín hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận để thu hút học sinh, sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập và nghiên cứu, làm việc tại Trường.

6. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị quản lý đào tạo gồm Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Dịch vụ và ĐTTNCXH phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2030,

tầm nhìn đến 2045, đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược đề ra.

Định kỳ trong năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá để kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo cho phù hợp với kế hoạch chiến lược đề ra. *Nguyễn Trung Kiên*

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
CẦN THƠ
Nguyễn Trung Kiên